

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LẠNG SƠN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2018/HNGĐ-ST
Ngày 22 - 5 -2018
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LẠNG SƠN - TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Đình Tuấn

Bà Nguyễn Thị Bích Thuận

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Phương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Lục Thị Hoàng Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 17/2018/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị T1, sinh năm 1983

Địa chỉ: Số 67, ngõ 10B, đường B, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.
Có mặt.

- Bị đơn: Anh Đặng Văn T2, sinh năm 1980

Nơi ĐKKHTT: Số 8/4, đường B, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

Hiện đang chấp hành án tại Đội 31, phân trại số 2, Trại giam H, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị S.

Địa chỉ: Tổ 8, khối 9, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/12/2017, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên

đơn chị Lê Thị T1 trình bày:

Chị và anh Đặng Văn T2 kết hôn trên cơ sở tự nguyện và chung sống với nhau từ năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi kết hôn đến khi sinh con chị phát hiện anh Đặng Văn T2 nghiện ma túy, mặc dù chị và gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Năm 2011 chị bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống, trong thời gian này anh Đặng Văn T2 đã đưa người phụ nữ khác về nhà sinh sống như vợ chồng. Năm 2013 anh Đặng Văn T2 có hành vi vi phạm pháp luật và bị Tòa án xử phạt 08 năm tù. Đến nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đặng Văn T2.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Đặng Hùng T3, sinh ngày 26/9/2005. Từ khi vợ chồng sống ly thân cháu Đặng Hùng T3 do bà nội của cháu là bà Nguyễn Thị S nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị Lê Thị T1 để con cho anh Đặng Văn T2 nuôi dưỡng, chăm sóc, trong thời gian anh Đặng Văn T2 đang chấp hành án chị đồng ý để con cho bà Nguyễn Thị S tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và chị không phải cấp dưỡng nuôi con vì hiện nay chị không có việc làm ổn định.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai ngày 27/3/2018 bị đơn anh Đặng Văn T2 trình bày:

Anh Đặng Văn T2 và chị Lê Thị T1 kết hôn ngày 19/6/2004 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn và được gia đình tổ chức cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng bố mẹ của anh tại phường V, thành phố L. Trong quá trình chung sống, vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Đến năm 2013 anh bị bắt về tội mua bán trái phép ma túy và bị xử phạt 8 năm tù thì chị Lê Thị T1 cũng bỏ đi và không còn quan tâm đến anh. Nay chị Lê Thị T1 yêu cầu ly hôn anh cũng đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Đặng Hùng T3, sinh ngày 26/9/2005, hiện nay cháu đang ở với bà nội là bà Nguyễn Thị S. Khi ly hôn, anh yêu cầu để cho anh và gia đình được tiếp tục nuôi dưỡng con, anh không yêu cầu chị Lê Thị T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị S, trong lời khai của mình bà cho biết: Năm 2004 gia đình bà tổ chức lễ cưới cho anh Đặng Văn T2 và chị Lê Thị T1 theo phong tục, tập quán địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng với bà và sinh được 01 người con là cháu Đặng Hùng T3. Trong quá trình chung sống hai vợ chồng có nhiều mâu thuẫn nên không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân. Việc chị Lê Thị T1 yêu cầu ly hôn với anh Đặng Văn T2 bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Đối với việc nuôi dưỡng cháu Đặng Hùng T3, từ khi chị Lê Thị T1 và anh Đặng Văn T2 ly thân bà vẫn là

người nuôi dưỡng cháu Đặng Hùng T3 cho đến nay. Do anh Đặng Văn T2 hiện nay đang phải chấp hành án nên khi vợ chồng ly hôn, bà sẽ có trách nhiệm nuôi dưỡng cháu Đặng Hùng T3 cho đến khi anh Đặng Văn T2 chấp hành án xong bà sẽ giao lại quyền nuôi dưỡng, chăm sóc con cho anh Đặng Văn T2.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán đã chấp hành theo quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, tiến hành lập hồ sơ, xác định quan hệ pháp luật, tiến hành thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu theo đúng quy định. Hội đồng xét xử đảm bảo đúng thành phần, tuân thủ nguyên tắc xét xử, trình tự, thủ tục phiên tòa. Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ về thủ tục phiên tòa, ghi chép diễn biến phiên tòa theo quy định tại Điều 51 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành, thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị T1 được ly hôn với anh Đặng Văn T2. Về con chung: Chấp nhận đề nghị của chị Lê Thị T1 và anh Đặng Văn T2 giao cháu Đặng Hùng T3 cho bà Nguyễn Thị S tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc. Sau khi anh Đặng Văn T2 chấp hành án xong trở về địa phương thì bà Nguyễn Thị S có trách nhiệm giao lại cháu Đặng Hùng T3 cho anh Đặng Văn T2 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

- Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Lê Thị T1 phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, ý kiến của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Lê Thị T1 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với anh Đặng Văn T2, đăng ký hộ khẩu thường trú tại số 8/4, đường B, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, vì vậy xác định quan hệ pháp luật của vụ án là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn,

tỉnh Lạng Sơn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập, thông báo cho các đương sự yêu cầu viết bản khai theo quy định, cung cấp tài liệu chứng cứ và mở phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Nhưng do anh Đặng Văn T2 đang phải chấp hành án nên Tòa án không tiến hành được thủ tục hòa giải giữa các đương sự.

[3] Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị T1 và anh Đặng Văn T2 là hôn nhân hợp pháp, được xây dựng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi kết hôn, thời gian đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Đặng Văn T2 nghiện ma túy, mặc dù đã được gia đình khuyên giải nhưng không có kết quả. Năm 2013 anh Đặng Văn T2 phạm tội mua bán trái phép chất ma túy, bị Tòa án xử phạt 08 năm tù. Nay chị Lê Thị T1 xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đặng Văn T2. Trước yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị T1, tại bản tự khai ngày 27/3/2018 anh Đặng Văn T2 cũng đồng ý ly hôn vì xác định tình cảm vợ chồng không còn. Hội đồng xét xử thấy việc thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị T1 và anh Đặng Văn T2 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, nhưng do anh Đặng Văn T2 vắng mặt tại phiên tòa nên không thể công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị T1 và anh Đặng Văn T2. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị T1, cho chị Lê Thị T1 được ly hôn với anh Đặng Văn T2.

[4] Về con chung: Chị Lê Thị T1 và anh Đặng Văn T2 có 01 con chung là cháu Đặng Hùng T3, sinh ngày 26/9/2005, hiện cháu đang ở với bà Nguyễn Thị S là bà nội của cháu. Khi ly hôn, anh Đặng Văn T2 yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con và không yêu cầu chị Lê Thị T1 cấp dưỡng nuôi con. Chị Lê Thị T1 cũng đồng ý để cho anh Đặng Văn T2 được nuôi dưỡng con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu nuôi con của anh Đặng Văn T2 đưa ra là có căn cứ, mặc dù anh Đặng Văn T2 đang phải chấp hành án nhưng kể từ khi anh Đặng Văn T2 đi chấp hành án thì cháu Đặng Hùng T3 vẫn do bà Nguyễn Thị S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Để cuộc sống và học tập của cháu Đặng Hùng T3 được ổn định, cần giao cháu Đặng Hùng T3 cho anh Đặng Văn T2 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Đặng Hùng T3. Trong thời gian anh Đặng Văn T2 đang chấp hành án cần tạm giao cháu Đặng Hùng T3 cho bà Nguyễn Thị S nuôi dưỡng, chăm sóc, sau khi anh Đặng Văn T2 chấp hành án xong thì bà Nguyễn Thị S có trách nhiệm giao lại quyền nuôi dưỡng, chăm sóc con cho anh Đặng Văn T2. Chị Lê Thị T1 không phải cấp dưỡng nuôi con vì anh Đặng Văn T2 không yêu cầu. Chị Lê Thị T2 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử sẽ xem xét và quyết định trên cơ sở các quy định của pháp luật.

[7] Về án phí: Nguyên đơn chị Lê Thị T1 phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[8] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T1 được ly hôn với anh Đặng Văn T2.
2. Về con chung: Giao cháu Đặng Hùng T3, sinh ngày 26/9/2005 cho anh Đặng Văn T2 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Trong thời gian anh Đặng Văn T2 chấp hành án, tạm giao cháu Đặng Hùng T3 cho bà Nguyễn Thị S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Sau khi anh Đặng Văn T2 chấp hành án xong bà Nguyễn Thị S có nghĩa vụ giao lại quyền nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Đặng Hùng T3 cho anh Đặng Văn T2. Chị Lê Thị T1 không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Chị Lê Thị T1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước. Số tiền trên được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Lê Thị T1 đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2012/02615 ngày 22 tháng 01 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND TP Lạng Sơn;
- Chi cục THADS TP Lạng Sơn;
- UBND phường V;
- Các đương sự;
-;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Hoàng Văn Duy

